TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17 – 12 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 396/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Tuyết P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà Trần Tuyết P, thể hiện*:

Bà P và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; mặc dù đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, bà P xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông U.

Quá trình chung sống có 02 người con chung gồm: Nguyễn Duy P, sinh năm 1992 và Nguyễn Phương D, sinh năm 1999. Các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ và các vấn đề khác: Không có.

** Lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của ông Nguyễn Văn U, thể hiện*:

Ông U thừa nhận về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống và việc không đăng ký kết hôn nhân như bà P trình bày là đúng. Trong cuộc sống giữa ông và bà P không có mâu thuẫn, ông U thừa nhận có bóp cổ dẫn đến bà P bỏ đi từ ngày 25/4/2021 âm lịch cho đến nay. Ngoài ra, ông U có nguyện vọng hàn gắn trở lại để cùng bà P lo cho các con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung có 02 người con như bà P trình bày, hiện đều đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì khác.

Về tài sản chung: Thống nhất theo yêu cầu của bà P sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ và các vấn đề khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Tuyết P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hòa giải nhưng không khắc phục được. Từ nguyên nhân trên, bà P xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông U. Ông U không đồng ý ly hôn vì giữa ông và bà P không lớn, ông muốn hàn gắn để lo cho các con trong gia đình.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà P yêu cầu xin ly hôn với ông U và ý kiến của ông U về việc không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Tuyết P và ông Nguyễn Văn U.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012203 ngày 23/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (bà P đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn